Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
04-03-2025 14:17:39 +07:00

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 293 /QĐ-VHL

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2025

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Công văn số 2483/BTC-HCSN ngày 28/02/2025 của Bộ Tài chính về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 (lần 2) của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2025 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam theo nội dung được Bộ Tài chính thống nhất tại Công văn số 2483/BTC-HCSN (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Website;
- Lưu: VT, KHTC,NTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Lê Trường Giang

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046

Biểu số 1

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-VHL ngày 28 / 02 /2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2025	Tổng số phân bổ lần 2	Số chưa được thống nhất phân bổ	Trong đó										
					Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất
A	B				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
I	**Số thu phí, lệ phí**	**32.000,00**	**0,00**	**0,00**											
1	Lệ phí	**0,00**	**0,00**												
2	Phí	32.000,00	0,00												
	Phí bảo tàng	*32.000,00*	*0,00*												
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**30.400,00**	**5.592,95**	**0,00**											
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	30.400,00	5.592,95												
a	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*	*30.400,00*	*5.592,95*												
2	Chi quản lý hành chính	**0,00**	**0,00**												
IV	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**1.600,00**	**0,00**												
4.1	Lệ phí	**0,00**	**0,00**												
4.2	Phí bảo tàng	1.600,00	0,00												
B	**Dự toán chi NSNN**	**937.552,00**	**17.916,70**	**50.357,10**	**1.580,00**	**420,00**	**260,00**	**1.550,00**	**1.260,00**	**950,00**	**1.190,00**	**1.180,80**	**1.136,70**	**612,50**	**190,00**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**937.552,00**	**17.916,70**	**50.357,10**	**1.580,00**	**420,00**	**260,00**	**1.550,00**	**1.260,00**	**950,00**	**1.190,00**	**1.180,80**	**1.136,70**	**612,50**	**190,00**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0,00	**0,00**											
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0,00	**0,00**											
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**877.682,00**	**17.916,70**	**50.357,10**	**1.580,00**	**420,00**	**260,00**	**1.550,00**	**1.260,00**	**950,00**	**1.190,00**	**1.180,80**	**1.136,70**	**612,50**	**190,00**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		0,00		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		*0,00*		*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2025	Tổng số phân bổ lần 2	Số chưa được thống nhất phân bổ	Trong đó										
					Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất
A	B				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ		*0,00*	*50.357,10*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở		*0,00*		*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên tự chủ		0,00		*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.3	Kinh phí cải cách tiền lương		0,00		*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.4	Quỹ tiền thưởng		0,00		*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.5	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		17.916,70	0,00	1.580,00	420,00	260,00	1.550,00	1.260,00	950,00	1.190,00	1.180,80	1.136,70	612,50	190,00
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**33.350,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0,00												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0,00		0,00										
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**13.420,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	13.420,00	0,00				0,00	0,00		0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**5.500,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	5.500,00	0,00										0,00		
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**7.600,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.600,00	0,00										0,00		

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046

Biểu số 1

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-VHL ngày 28/02/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung		Trong đó												
		Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao
A	B	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
I	**Số thu phí, lệ phí**						**0,00**								
1	Lệ phí						0,00								
2	Phí						0,00								
	Phí bảo tàng						*0,00*								
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**						**5.592,95**								
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin						5.592,95								
a	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*						*5.592,95*								
2	Chi quản lý hành chính						0,00								
IV	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**						**0,00**								
4.1	Lệ phí						0,00								
4.2	Phí bảo tàng						0,00								
B	**Dự toán chi NSNN**	**180,00**	**550,00**	**120,00**	**380,00**	**260,00**	**500,00**	**360,00**	**310,00**	**240,00**	**570,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**310,00**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**180,00**	**550,00**	**120,00**	**380,00**	**260,00**	**500,00**	**360,00**	**310,00**	**240,00**	**570,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**310,00**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ														
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ														
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**180,00**	**550,00**	**120,00**	**380,00**	**260,00**	**500,00**	**360,00**	**310,00**	**240,00**	**570,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**310,00**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*

TT	Nội dung		Trong đó												
		Viện Vật lý địa cầu	Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao
A	B	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên tự chủ	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.3	Kinh phí cải cách tiền lương	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.4	Quỹ tiền thưởng	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.5	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	180,00	550,00	120,00	380,00	260,00	500,00	360,00	310,00	240,00	570,00	0,00	0,00	0,00	310,00
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												0,00		0,00
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên									0,00					
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					0,00	0,00		0,00	0,00			0,00		

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

CHƯƠNG: 046

Biểu số 1

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 293 /QĐ-VHL ngày 28/ 02/2025 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó											
		Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Viện Nghiên cứu khoa học Miền Trung	Trung tâm Tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ Gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**												
I	**Số thu phí, lệ phí**												
1	Lệ phí												
2	Phí												
	Phí bảo tàng												
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**												
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin												
a	*Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên*												
2	Chi quản lý hành chính												
IV	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**												
4.1	Lệ phí												
4.2	Phí bảo tàng												
B	**Dự toán chi NSNN**	**720,00**	**0,00**	**570,00**	**70,00**	**120,00**	**0,00**	**570,00**	**190,00**	**876,70**	**550,00**	**140,00**	**0,00**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**720,00**	**0,00**	**570,00**	**70,00**	**120,00**	**0,00**	**570,00**	**190,00**	**876,70**	**550,00**	**140,00**	**0,00**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ												
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**720,00**	**0,00**	**570,00**	**70,00**	**120,00**	**0,00**	**570,00**	**190,00**	**876,70**	**550,00**	**140,00**	**0,00**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*

TT	Nội dung	Trong đó											
		Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Viện Nghiên cứu khoa học Miền Trung	Trung tâm Tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ Gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên tự chủ	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.3	Kinh phí cải cách tiền lương	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.4	Quỹ tiền thưởng	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*	*0,00*
2.5	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	720,00	0,00	570,00	70,00	120,00	0,00	570,00	190,00	876,70	550,00	140,00	0,00
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên										0,00	0,00	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên										0,00	0,00	
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên												
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		0,00	0,00									